

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán)  
(Issued in association with Circular 98/2020/TT-BTC on 16 November 2020 guiding operations and management of securities investment funds)

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**  
**REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE**

Từ ngày 11/07/2025 đến ngày 13/07/2025 / As at 13 Jul 2025

|   |                                 |                                                                  |
|---|---------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 1 | <b>Tên Công ty Quản lý Quỹ:</b> | <b>Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt</b>                         |
|   | <i>Fund Management Company:</i> | <i>Bao Viet Fund Management Limited Company</i>                  |
| 2 | <b>Tên Ngân hàng Giám sát:</b>  | <b>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam</b>                      |
|   | <i>Supervising bank:</i>        | <i>Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam</i> |
| 3 | <b>Tên Quỹ ETF:</b>             | <b>QUỸ ETF BVFVN DIAMOND</b>                                     |
|   | <i>Fund name:</i>               | <i>BVFVN DIAMOND ETF</i>                                         |
| 4 | <b>Mã chứng khoán:</b>          | <b>FUEBFVND</b>                                                  |
|   | <i>Code:</i>                    | <i>FUEBFVND</i>                                                  |
| 5 | <b>Ngày lập báo cáo:</b>        | <b>14/07/2025</b>                                                |
|   | <i>Reporting date:</i>          | <i>14 Jul 2025</i>                                               |

Đơn vị tính/ Currency: VND

| STT<br>No | CHỈ TIÊU<br>Criteria                                            | Mã số<br>Code | KỲ NÀY<br>THIS PERIOD<br>13/07/2025 | KỲ TRƯỚC<br>LAST PERIOD<br>10/07/2025 |
|-----------|-----------------------------------------------------------------|---------------|-------------------------------------|---------------------------------------|
| 1         | <b>Giá trị tài sản ròng / Net asset value</b>                   |               |                                     |                                       |
| 1.1       | <i>Của quỹ ETF/Per Fund</i>                                     |               | 55.266.410.041                      | 55.123.218.904                        |
| 1.2       | <i>Của một lô chứng chỉ quỹ ETF/Per lot of Fund Certificate</i> |               | 1.454.379.211                       | 1.450.611.023                         |
| 1.3       | <i>Của một chứng chỉ quỹ/Per Fund Certificate</i>               |               | 14.543,79                           | 14.506,11                             |

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng Giám sát

Authorised Representative of Supervisory Bank



Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

*Võ Trí Thành*

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ

Authorised Representative of Fund Management Company



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Nguyễn Thừa Nhật*